

## HÀNG GIÁO PHẨM CÔNG GIÁO VIỆT NAM - VẤN ĐỀ NHÂN SỰ VÀ ĐÀO TẠO

NGUYỄN HỒNG DƯƠNG\*

### I

Ngày 24/11/1960, Giáo hoàng Gioan XXIII, ban hành Tông hiến *Venerabilum Nostrorum* thành lập hàng giáo phẩm Công giáo Việt Nam. Theo đó, hàng giáo phẩm Công giáo Việt Nam được thiết lập đầy đủ, có quyền bính trực tiếp lãnh đạo, điều hành Giáo hội Công giáo Việt Nam.

Trước đó, các giám mục Công giáo ở Việt Nam chỉ mang chức danh giám mục hiệu toà.

Tông hiến nêu rõ: "Ta cũng ban cho các giáo phận vừa nói và các giáo phận khác đã kể trên, cho các nhà thờ chính toà cũng như các giám mục lãnh đạo mọi quyền lợi, danh dự, đặc ân thích ứng".

Về toàn cục, hàng giáo phẩm Công giáo Việt Nam được thiết lập chứng tỏ sự trưởng thành của Giáo hội Công giáo Việt Nam sau 350 năm hoạt động truyền giáo. Song, Tông hiến vẫn quy định: "Tất cả các giáo phận trên đây sẽ tiếp tục trực thuộc Thánh Bộ Truyền giáo". Và, trong thời điểm mà Giáo hoàng La Mã công bố thành lập hàng giáo phẩm Công giáo Việt Nam, Giáo hội Công giáo Việt Nam vừa trải qua những xáo trộn lớn.

Về chính trị, sau Hiệp định Giơnevơ (20/7/1954), đất nước Việt Nam bị chia

làm hai miền, Giáo hội Công giáo vì vậy cũng bị phân đôi. Do âm mưu thâm độc của đế quốc, thực dân, của bọn phản động lợi dụng tôn giáo, hàng vạn giáo dân và hàng trăm linh mục di cư vào Nam. Tài liệu của Linh mục Trần Tam Tỉnh cho biết có 543.500 giáo dân chiếm 40% và 809 linh mục chiếm 72% di cư vào Nam<sup>(1)</sup>. Nếu như giáo dân, giáo sĩ, tu sĩ di cư vào Nam làm "sống dậy" Công giáo miền Nam trước đây nhỏ bé thì ngược lại làm cho Công giáo miền Bắc trở nên tiêu điều.

Ở miền Nam, giai đoạn 1960 - 1975, hàng giáo phẩm có điều kiện phát triển. Thống kê ngày 31/12/1970 của Giáo hội Công giáo miền Nam cho biết có 16 giám mục trong đó có 1 giám mục ngoại quốc, 1.979 linh mục (gồm cả triều và dòng) của hai giáo tỉnh. Nếu lấy tỉn đồ làm tỉ lệ ta thấy, toàn bộ 1.826.581 tỉn đồ Công giáo lúc đó do 1.979 linh mục "chăn dắt".

Một cách chia ước tính, đồ đồng (vì không phải linh mục nào cũng quản xứ, chăn chiên), quân bình 1 linh mục chỉ "chăn dắt" 924 Chiên Chúa.

\*. PGS.TS., Viện Nghiên cứu Tôn giáo.

1. Linh mục Trần Tam Tỉnh. *Thập giá và Lưỡi gươm*. Nxb Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh 1998.

Trong lực lượng giáo sĩ đáng kể là linh mục dòng Tên. Dòng này trở lại miền Nam thay thế Hội Thừa sai Paris. Năm 1957, khi mới trở lại miền Nam, dòng không có giáo sĩ người Việt, chỉ có 67 linh mục thuộc các quốc tịch: Italia, Bồ Đào Nha và Pháp hầu hết hoạt động ở Trung Quốc nhưng biết nói tiếng Việt. Sau một thời gian, lực lượng giáo sĩ là người Việt tăng nhanh. Tính đến ngày miền Nam được giải phóng, dòng có 134 linh mục, tu sĩ. Trình độ học vấn của các giáo sĩ rất cao: 5 tiến sĩ ngôn ngữ học, triết học, sử học, tâm lý học. Dòng Tên là dòng nổi tiếng về canh tân và thích nghi.

Một bộ phận linh mục cần phải kể đến là 314 linh mục tuyên úy có mặt trong lực lượng ngụy quân Sài Gòn. Hệ thống tổ chức tuyên úy ngụy quân được hình thành từ trung ương đến địa phương. Tại trung ương có Ban Giám đốc Nha Tuyên úy Công giáo điều hành ngành tuyên úy trên toàn miền Nam, đứng đầu là một giám mục đặc trách.

Trong khi Giáo hội Công giáo miền Nam, do những điều kiện chủ quan và khách quan, có những thuận lợi để phát triển thì Giáo hội Công giáo miền Bắc lại rơi vào khó khăn. Khó khăn lớn nhất mà Giáo hội miền Bắc gặp phải chính là việc bản thân Giáo hội thực hiện công cuộc cưỡng ép giáo dân di cư vào Nam gây nên sự xáo trộn lớn, đặc biệt là sự thiếu hụt đội ngũ linh mục một cách trầm trọng. Hiện tượng này kéo dài hàng chục năm và từ khi có đường lối đổi mới toàn diện của Đảng Cộng sản Việt Nam mới được khắc phục.

*Một vài số liệu:* Năm 1960, Giáo phận Lạng Sơn còn 4 linh mục triều. Giáo phận

Hưng Hóa có 34 linh mục, 20 đại chủng sinh, 80 tiểu chủng sinh, đến năm 1970, giáo phận này còn 20 linh mục, 3 chủng sinh, 1 thầy giảng 90 tuổi. Giáo phận Hà Nội, năm 1963 có 53 linh mục, 1 linh mục dòng Chúa Cứu Thế, 56/112 giáo xứ không có linh mục trị sở. Ngày 2/6/1963, Linh mục Trịnh Văn Căn thụ phong giám mục phó. Tháng 10/1974, khi tham dự Thượng Hội đồng Giám mục tại La Mã, Hồng y Trịnh Như Khuê cho biết, ở miền Bắc có 300 linh mục cho 1 triệu giáo dân.

Tuy nhiên, cũng có giáo phận vẫn còn hàng giáo phẩm đông đúc, đó là Giáo phận Vinh. Năm 1964, giáo phận có 2 giám mục, 117 linh mục, 7 tân linh mục, 150 tiểu chủng sinh, 36 đại chủng sinh. Trong thời gian từ năm 1960 đến năm 1967, Giám mục Trần Hữu Đức truyền chức cho 30 linh mục.

Theo thời gian, số lượng của hàng giáo phẩm Công giáo miền Bắc ngày một giảm do nguồn bổ sung hạn chế và các linh mục già yếu qua đời. Số linh mục của Giáo hội Công giáo miền Bắc thời gian 1973 - 1974 ở một số giáo phận như sau: Hải Phòng: 2; Bắc Ninh: 3; Hưng Hóa: 20; Thái Bình: 9; Bùi Chu: 33; Phát Diệm: 6.

Trong tình trạng thiếu linh mục, đại chủng viện nơi đào tạo linh mục không hoạt động, các giáo phận khắc phục bằng giải pháp tình thế. Đó là việc đào tạo linh mục theo lối kèm cặp tại các xứ đạo. Ở đó, mỗi linh mục được giao kèm cặp, đào tạo một hoặc vài người. Những người này thường là các đại chủng sinh vốn đã học ở đại chủng viện khi đại chủng viện đóng cửa họ về quê làm ăn nhưng vẫn kiên trì tu học. Sau một quá trình kèm cặp, đào tạo, từng giáo phận xem xét và phong

chức linh mục cho họ. Đó là cách đào tạo "ngoại ngạch". Khi phong chức linh mục, Giáo hội đã không xin phép cấp chính quyền có thẩm quyền hoặc có xin phép nhưng không được chính quyền cho phép vì những quy định hiện hành. Những linh mục được phong chức kiểu này được các cơ quan quản lý nhà nước gọi là *linh mục phong chui* hay *linh mục áo ngắn*.

Ở một vài giáo phận, có hiện tượng khi tuyển người để kèm cặp thường nghiêng về "bản linh" giữ đạo hơn là năng lực học vấn (văn hoá, ngoại ngữ), kéo theo sự hạn chế về trình độ học vấn. Vì vậy, về sau họ phải được "đào tạo lại".

## II

Đại thắng mùa xuân năm 1975 giải phóng miền Nam thống nhất đất nước, tuy Giáo hội Công giáo Việt Nam không có những xáo trộn lớn như năm 1954, nhưng cũng có ít nhiều biến động.

Trước ngày Sài Gòn được giải phóng, chừng 100 linh mục người Việt đã bỏ chạy ra nước ngoài. Khâm sứ Toà thánh Vatican, Hăngri Loméccơ rời khỏi Sài Gòn ngày 5/6/1975. Sau cùng là sự ra đi của chừng 150 linh mục, tu sĩ nam nữ thuộc nhiều quốc tịch ngoại quốc.

Những linh mục hoạt động tuyên úy trong quân đội ngụy Sài Gòn được chính quyền cách mạng yêu cầu ngừng hoạt động mục vụ. Các linh mục này sau đó lần lượt bị đưa đi tập trung cải tạo.

Những biến động trên về cơ bản không gây nên sự thiếu hụt linh mục quản xứ của hai giáo tỉnh Huế và Thành phố Hồ Chí Minh.

Trong khi đó, tình trạng thiếu linh mục quản nhiệm xứ của Giáo tỉnh Hà Nội đến thời điểm này vẫn chưa có điều kiện khắc phục. Các linh mục ngoài là chính xứ của một xứ đạo còn phải kiêm nhiệm vài ba, cá biệt có linh mục kiêm nhiệm tới trên 10 xứ, họ đạo lẻ. Giải pháp tạo nguồn bằng cách kèm cặp, đào tạo "ngoại ngạch" vẫn được áp dụng triệt để. Hầu hết các giáo phận đều có linh mục "phong chui" (linh mục áo ngắn). Vì là linh mục phong chui nên họ không được chính quyền cho phép giảng lễ. Ở một số nơi, lợi dụng sự buông lỏng quản lý của chính quyền, họ tiến hành "giảng lễ chui".

Ở một vài xứ đạo, linh mục áo ngắn thay vì thực hành thánh lễ trực tiếp trên bàn thờ, họ ngồi trong nhà phòng giảng thánh lễ qua loa điện, gây bất tiện cho vị chủ tế và giáo dân. Bởi linh mục phải chủ trì thánh lễ trước bàn thờ.

Linh mục áo ngắn còn phụ giúp linh mục chính xứ trong thực hiện thánh lễ, thực hiện một số bí tích và á bí tích, giảng dạy giáo lý, lãnh đạo các hội đoàn.

Thống kê năm 1989 của Giáo phận Hà Nội cho thấy, tại thời điểm này, giáo phận có 28 linh mục triều, 1 linh mục dòng. Giáo phận có 120 giáo xứ nhưng chỉ có 20 giáo xứ có linh mục quản nhiệm.

Nhưng cũng cần lưu ý rằng, trong thời điểm trước đổi mới, Giáo hoàng La Mã được sự đồng ý của Nhà nước Việt Nam đã lần lượt phong hai hồng y đều thuộc Giáo phận Hà Nội:

1. Giuse Maria Trịnh Như Khuê, phong hồng y ngày 24/5/1976.
2. Giuse Maria Trịnh Văn Căn, phong hồng y ngày 30/6/1979.

## III

Tháng 12/1986, tại Đại hội toàn quốc lần thứ VI, Đảng Cộng sản Việt Nam đã khởi xướng đường lối đổi mới toàn diện.

Ngày 16/10/1990, Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam (khoá VI) ban hành Nghị quyết số 24/ NQ - TW *Về tăng cường công tác tôn giáo trong tình hình mới*. Quan điểm của Đảng ta về tôn giáo là rất rõ ràng, thể hiện ở ba điểm sau đây: Tôn giáo là một vấn đề còn tồn tại lâu dài; Tín ngưỡng tôn giáo là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân; Đạo đức tôn giáo có nhiều điều phù hợp với công cuộc xây dựng xã hội mới.

Đường lối đổi mới toàn diện của Đảng Cộng sản Việt Nam, quan điểm của Đảng ta về tôn giáo thể hiện ở Nghị quyết số 24/NQ-TW là điều kiện căn bản bảo đảm việc thực hiện chính sách tự do tôn giáo ở Việt Nam.

Với Công giáo, một trong những vấn đề cốt lõi là hàng giáo phẩm (đào tạo, phong chức, chuyển...) đã được Nhà nước ta quan tâm một cách thoả đáng. *Trước hết là việc tấn phong giám mục, giải quyết việc trống toà của các giáo phận*. Bởi vì, với Công giáo, giáo phận là Giáo hội địa phương, giám mục người đứng đầu giáo phận có vai trò cực kì quan trọng trong việc điều hành, quản trị giáo phận. Giáo quyền Công giáo sẽ bị ảnh hưởng rất lớn ở những giáo phận không có giám mục (được gọi là trống toà).

Để giải quyết việc trống toà, từ năm 1975 đến năm 2003, cả nước đã có 47 giám mục được tấn phong<sup>(2)</sup>. Năm 2004, có thêm 2 giám mục và năm 2005, có 1 tổng giám mục được tấn phong cho giáo

tỉnh Hà Nội và 1 giám mục cho Giáo phận Huế.

Năm 2003 còn là năm Giáo hoàng Gioan Phaolô II phong tước vị Hồng y cho Tổng giám mục GB. Phạm Minh Mẫn. Lễ phong diễn ra tại Vatican ngày 21/10/2003<sup>(3)</sup>. Cũng trong năm này, Hồng y Phaolô Giuse Phạm Đình Tụng nghỉ hưu và, ngày 26/4/2003, Giáo hoàng Gioan Phaolô II đã bổ nhiệm Giám mục Giuse Ngô Quang Kiệt, giám mục Giáo phận Lạng Sơn, làm giám quản Tông toà Tổng giáo phận Hà Nội<sup>(4)</sup>.

Như vậy, đến thời điểm này Giáo hội Công giáo Việt Nam có 4 hồng y. Đó là: Giuse Maria Trịnh Như Khuê, Giuse Maria Trịnh Văn Căn, Phaolô Giuse Phạm Đình Tụng và GB. Phạm Minh Mẫn. Hiện chỉ còn 02 vị là Hồng y Phạm Đình Tụng và Hồng y Phạm Minh Mẫn.

Giai đoạn từ năm 1986 đến nay, Toà thánh Vatican phong các giám mục tuổi đời còn khá trẻ, có vị mới ở độ tuổi 40 như Giám mục Vũ Văn Thiên. Đặc biệt là Giám mục Ngô Quang Kiệt, được phong giám mục khi 47 tuổi, 6 năm sau đã được phong Tổng Giám mục (lúc 53 tuổi). Trước đây, ở miền Bắc, việc phong giám mục, nhân sự thường từ giáo phận đó cất nhắc lên. Những năm gần đây, ở một số giáo phận, tân giám mục lại được đưa từ miền Nam ra. Như các giám mục: Ngô Quang Kiệt (Lạng Sơn), Hoàng Văn Tiệm (Bùi Chu), Vũ Huy Chương (Hưng Hoá).

2. Xem: *Giáo hội Công giáo Việt Nam, niên giám 2004*. Nxb Tôn giáo, 2004.

3. Theo báo: *Người Công giáo Việt Nam*, số 42 (688) ra ngày 18/10/2003.

4. *Giáo hội Công giáo Việt Nam, niên giám 2004*. Sđd. Tr. 521.

Nguyễn Chí Linh (Thanh Hoá). Những vị giám mục này quê gốc đều ở miền Bắc, nhưng họ lớn lên và được đào tạo ở miền Nam. Phải chăng những giáo phận trên đã không có nhân sự đáp ứng tiêu chuẩn của một giám mục? Phải chăng Giáo hội muốn đưa những nhân sự được đào tạo ở miền Nam được xem là năng động và thích nghi hơn các nhân sự miền Bắc?

*Vấn đề đào tạo linh mục.*

Từ sau khi có công cuộc đổi mới, tình trạng thiếu hụt linh mục (nhất là ở miền Bắc) đã và đang được khắc phục về cơ bản. Việc Nhà nước ta cho phép mở lại hoặc thành lập mới các đại chủng viện để đào tạo linh mục đã góp phần vào việc khắc phục tình trạng thiếu hụt này.

*Đại chủng viện Thánh Giuse Thành phố Hồ Chí Minh*, khai giảng ngày 9/2/1987 sau 5 năm tạm ngưng. Đại chủng viện đào tạo linh mục cho 6 giáo phận: Thành phố Hồ Chí Minh, Đà Lạt, Mỹ Tho, Phan Thiết, Phú Cường, Xuân Lộc. Kết quả, sau 17 năm hoạt động (1986 – 2003), số ra trường: 232; số thụ phong linh mục: 173.

*Đại chủng viện Thánh Quý*, (Cái Răng, Châu Thành, Cần Thơ) thành lập năm 1988, đào tạo linh mục cho 3 giáo phận: Cần Thơ, Vĩnh Long, Long Xuyên. Khóa 1: 37 chủng sinh, thụ phong 34, xuất tu: 2. Khóa 2: 35 chủng sinh, thụ phong 31, xuất tu: 4. Khóa 3a: 37 chủng sinh, thụ phong 35, chưa thụ phong 1, xuất tu: 1. Khóa 3b: 27 chủng sinh, thụ phong 18 (thời điểm 2003). Khóa 4: Chiêu sinh năm 1995: 68 chủng sinh, trong đó: Lớp 4a: 36 chủng sinh, thụ phong 14, lớp 4b: 32 chủng sinh, chưa thụ phong (thời điểm 2002). Khóa 5, chiêu sinh 1997: 50

chủng sinh, trong đó lớp 5a: 36 chủng sinh, lớp 5b: 14 chủng sinh. Khóa 6, chiêu sinh 1999: 45 chủng sinh. Khóa 7, chiêu sinh 2001: 50 chủng sinh. Niên khoá 2002 – 2003, tổng số chủng sinh là 167.

*Đại chủng viện Vinh - Thanh*, (Nghị Diên, Nghi Lộc, Nghệ An) thành lập và khai giảng ngày 22/11/1988. Số đại chủng sinh các khoá đã ra trường: Khóa I: 31; Khóa II: 30; Khóa III: 23; khóa IV: 28.

*Đại chủng viện Sao Biển Nha Trang*, thành lập 31/12/1991, đào tạo linh mục cho ba giáo phận: Nha Trang, Quy Nhơn, Ban Mê Thuột. Số chủng sinh năm 2002: 84 của ba khoá IV, V, VI. Số chủng sinh ra trường ba khoá I, II, III và bổ túc là 127.

*Đại chủng viện Huế*, khai giảng ngày 22/11/1994, đào tạo linh mục cho 3 giáo phận: Huế, Đà Nẵng, Kon Tum. Số chủng sinh năm 2003 là 89, bao gồm 4 khoá: Khóa II: 23 chủng sinh, trong đó có 13 phó tế; khóa III: 15 chủng sinh, trong đó có 12 chủng sinh cùng lớp đang đi giúp xứ; khóa IV: 22 chủng sinh; khóa V: 29 chủng sinh.

*Đại chủng viện Thánh Giuse Hà Nội*, đào tạo linh mục cho 8 giáo phận: Hà Nội, Hải Phòng, Hưng Hoá, Phát Diệm, Bùi Chu, Bắc Ninh, Thái Bình, Lạng Sơn. Khóa đầu tiên (1971) đào tạo được 9 linh mục. Năm 1978 – 1980 mở khoá hàm thụ cho bốn thầy giảng và được thụ phong linh mục ngày 26/10/1980. Khóa II (1981 – 1987) có 18 chủng sinh thuộc ba giáo phận: Hà Nội, Hải Phòng Thái Bình. Năm 1987 có ba thầy về học hàm thụ và được chịu chức ngày 25/3/1993. Năm 1992 – 1994 mở khoá bồi dưỡng bổ túc cho 35 cựu sinh viên thuộc 7 giáo phận.

Khoá tu nghiệp này ra trường ngày 10/6/1994. Năm 1994 – 1995 mở khoá tu nghiệp bồi dưỡng cho 12 linh mục, thuộc Giáo phận Bùi Chu, ra trường ngày 27/1/1995. Khoá 1989 – 1995 là khoá III chính thức, gồm 48 chủng sinh của 7 giáo phận. Năm 1992 – 1993 mở lớp “bổ túc” cho 7 thầy thuộc 3 giáo phận và 1 thầy dòng Châu Sơn. Đến thời điểm 2002, Đại chủng viện Thánh Giuse Hà Nội có các chủng sinh thuộc 3 khoá: Khoá VI (1998 – 2005) gồm 49 chủng sinh; Khoá VII (2000 – 2007) gồm 58 chủng sinh; Khoá VIII (2002 – 2009) gồm 55 chủng sinh. Tổng số 162 chủng sinh<sup>(5)</sup>.

Thời gian tuyển sinh vào các đại chủng viện đến thời điểm năm 2001 là 3 năm, bắt đầu từ năm 2002 rút xuống còn 2 năm. Một số thủ tục hành chính của Nhà nước đến thời điểm này đã có những cải tiến. Theo Nguyệt san *Công giáo và Dân tộc*, tại cuộc họp thường niên lần thứ 23 của Hội đồng Giám mục Việt Nam (tháng 10/2002), Giáo hội và Nhà nước đã đạt được một số thoả thuận xung quanh vấn đề đào tạo linh mục: Việc chiêu sinh vẫn diễn ra theo định kì hai năm nhưng gia tăng về số lượng. Không duyệt lại chủng sinh tốt nghiệp, Toà Giám mục chỉ cần làm bản đề nghị về danh sách các tân linh mục. Trong việc bổ nhiệm hoặc chuyển chuyển linh mục, Toà Giám mục gửi văn bản và danh sách cho Uỷ ban Nhân dân tỉnh, thành chấp nhận.

Trước thực tế ở một số giáo phận còn “tồn đọng” một số chủng sinh lớn tuổi, Giáo hội thấy cần thiết đào tạo họ theo hình thức mở lớp ngắn hạn để rồi sau đó phong linh mục. Giám mục Phaolô Nguyễn Văn Hòa đã có văn thư gửi Ban Tôn giáo Chính phủ để đạt yêu cầu trên.

Ngày 2/10/2003, Ban Tôn giáo Chính phủ có văn thư 640/TGCP – CG do ông Nguyễn Thế Doanh, Phó trưởng ban Thường trực kí, gửi Giám mục Nguyễn Văn Hoà: “Sau khi trao đổi với các ngành chức năng ở Trung ương và Uỷ ban Nhân dân tỉnh Khánh Hoà, Ban Tôn giáo Chính phủ đã trình Thủ tướng Chính phủ và ngày 24/5/2003, Văn phòng Chính phủ đã có công văn thông báo ý kiến của Thủ tướng Chính phủ như sau: “Chấp thuận cho Hội đồng Giám mục Việt Nam mở lớp bổ túc ngắn hạn 2 năm cho các chủng sinh lớn tuổi, theo đề nghị của Giám mục, địa điểm mở lớp tại Đại chủng viện Sao Biển, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hoà”.

Ngày 30/1/2004, lớp bổ túc khai giảng tại Đại chủng viện Sao Biển. Có 44 chủng sinh lớn tuổi theo học thuộc các giáo phận: Lạng Sơn, Hà Nội, Thái Bình, Bùi Chu, Phát Diệm, Kon Tum, Đà Lạt, Phan Thiết, Phú Cường<sup>(6)</sup>.

Năm 2005, riêng Đại chủng viện Thánh Giuse Hà Nội được tuyển sinh 1 năm 1 lần. Nhà nước cho phép Giáo hội Công giáo Việt Nam mở thêm một đại chủng viện.

Hình thức đào tạo linh mục như trên là khá đa dạng và uyển chuyển. Có hình thức đào tạo chính quy, nhưng cũng có hình thức bổ túc, tu nghiệp nhằm hợp thức hóa các hình thức trước đây gọi là linh mục áo ngắn. Đồng thời cũng bổ túc cho các thầy đã học ở đại chủng viện trước đây nhưng chưa hết chương trình đào tạo.

5. Dẫn theo: *Giáo hội Công giáo Việt Nam, niên giám 2004*. Chương 17: Các chủng viện ở Việt Nam từ tr. 288 – 304.

6. Tuần báo *Công giáo và Dân tộc*. Số 1444, ngày 19/2/2004.

Một hình thức đào tạo khác là Giáo hội cử các linh mục đi tu nghiệp ở nước ngoài như Philippines, Pháp, Italia. Những linh mục này sau một thời gian tu nghiệp trình độ được nâng cao, về nước thường được đảm nhiệm giảng dạy ở các đại chủng viện hoặc giữ những cương vị chủ chốt của giáo phận.

Dưới đây là số linh mục thống kê ở một vài thời điểm:

Năm 1995: 2.100 (1.850 triệu, 250 dòng)<sup>(7)</sup>.

Năm 1998: 2.200.

Năm 2000: 2.410 (2.035 triệu, 375 dòng)<sup>(8)</sup>.

Năm 2001: 2.526<sup>(9)</sup>.

Năm 2003: 2.810<sup>(10)</sup>.

#### *Về chương trình đào tạo.*

Các chủng sinh, những linh mục tương lai của Giáo hội, những vị chủ chăn thay mặt Thiên Chúa chăn dắt đàn chiên, ngoài việc nắm vững tri thức Công giáo, còn phải hiểu rõ trách nhiệm công dân. Vì vậy, trong chương trình đào tạo ở các đại chủng viện đều có môn học Giáo dục công dân. Đây là môn học bắt buộc đối với chương trình đào tạo của các trường tôn giáo ở nước ta. Điều 24, Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo quy định: Môn học về lịch sử Việt Nam, pháp luật Việt Nam là các môn học chính khoá trong chương trình đào tạo tại trường đào tạo những người chuyên hoạt động tôn giáo.

Những năm gần đây, Ban Giám đốc các đại chủng viện đều nhất loạt kiến nghị thời gian môn học Giáo dục công dân là nhiều cần phải được giảm bớt. Và đó là một trong những trọng tâm mà hội nghị thường niên đại biểu 6 đại chủng viện Việt Nam họp tại Đại chủng viện Thánh Quý (Cần Thơ) từ ngày 10/7 đến ngày

13/7/2001. Một trong những kiến nghị mà Hội nghị thông qua là đề nghị Hội đồng Giám mục Việt Nam kiến nghị với Ban Tôn giáo Chính phủ giảm số giờ học môn Giáo dục công dân tại các đại chủng viện.

Vấn đề giảng dạy môn Giáo dục công dân vì vậy đã là một trong những nội dung được đưa ra bàn thảo trong hội nghị bàn về các đại chủng viện Công giáo tổ chức ngày 14/4/2004 tại thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hoà dưới sự chủ trì của Ban Tôn giáo Chính phủ<sup>(11)</sup>.

Số thanh niên tín đồ Công giáo đăng kí thi vào các đại chủng viện, mà Công giáo gọi là “ơn gọi”, cho đến nay ngày một tăng. Từ năm 1990 trở về trước, những chủng sinh được dự thi chỉ cần tốt nghiệp cấp III (phổ thông trung học), có thể đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự, cá biệt có người là cán bộ, công nhân viên chức nhà nước. Nhưng những năm gần đây, các đại chủng viện đã dần chuyển sang việc tuyển chủng sinh là người đã tốt nghiệp đại học (nhất là các ngành khoa học xã hội và nhân văn). Ví dụ, năm 1991, Giáo phận Hà Nội có 145 dự bị chủng sinh (những người chuẩn bị thi vào Đại chủng viện Thánh Giuse Hà Nội), năm 2000, con số là 300 dự bị chủng sinh.

Tại sao thanh niên tín đồ Công giáo “nô nức” thi vào các đại chủng viện, trong khi ơn gọi của Giáo hội Công giáo các nước Châu Âu sa sút một cách nghiêm trọng. Chưa có một cuộc điều tra xã hội

7. Theo cuốn: *Công giáo Việt Nam quá trình 50 năm*, số linh mục ở thời điểm 1995 là 2.072.

8. Đặc san *Bản tin Tôn giáo*. Số tháng 8/2002.

9. Sách *Niên giám 2001* của Toà Thánh Vatican.

10. *Giáo hội Công giáo Việt Nam, niên giám 2004*. Đã dẫn.

11. *Bản tin Tôn giáo*, tháng 4/2004.

học nào về vấn đề này để có thể đưa ra kết luận. Song, có thể nói, Cộng đoàn Giáo dân Việt Nam có đức tin và lòng sùng đạo cao đã thúc đẩy thanh niên tin đồ chọn con đường tận hiến. Tuy nhiên, cũng không loại bỏ những nguyên nhân khác như linh mục có địa vị trong cộng đồng giáo dân, được nhiều người vị nể, là hình ảnh mà không ít thanh niên mơ ước.

Hội nghị thường niên 6 đại chủng viện Việt Nam năm 1999, tại Huế xoay quanh vấn đề: *Huấn luyện nhân bản trong việc đào tạo ứng sinh linh mục theo chiều hướng của Thượng Hội đồng Giám mục Châu Á*. Trong lời khai mạc, Tổng Giám mục Stêphanô Nguyễn Như Thế, Chủ tịch Ủy ban Giám mục về Giáo sĩ và các chủng viện, trích dẫn Tông huấn Pastoredabovobis của Giáo hoàng Gioan Phaolô II về nhân bản đối với linh mục: "Được mời gọi trở nên hình ảnh sống động của Đức Giêsu Kitô là Đấng và Mục tử, linh mục cần phải phản ánh nơi chính mình, trong mức độ có thể, sự thành toàn nhân bản như được rạng chiếu nơi Con Thiên Chúa làm Người và như được nhìn xuyên thấu qua các thái độ đầy hiệu năng của Ngài đối với tha nhân, đúng như lời diễn tả của các tác giả Tin Mừng".

Trong hội nghị, đại diện Đại chủng viện Sao Biển Nha Trang trình bày tham luận: *Đào tạo nhân bản*. Sau đó là cuộc trao đổi với 4 vấn đề, đáng chú ý là vấn đề thứ 4: *Những khó khăn của đào tạo nhân bản trong chủng viện*. Đó là:

a. Những hình ảnh tiêu cực của xã hội toàn cầu hoá. Linh mục chạy theo lối sống hưởng thụ quên đi tình trạng nghèo

về nhiều mặt của những người xung quanh.

b. Linh mục được tôn trọng quá đáng. Các linh mục mới dễ bị ảnh hưởng của linh mục quan liêu. Tiệc mừng tân linh mục quá long trọng. Nhiều khi được trúng tuyển đã ăn mừng. Những yếu tố đó ảnh hưởng đến lối sống chung sinh: lúc vào cố gắng tử tế cho xong (nín thở qua sông, giả dại qua ải), ra khỏi chủng viện như chim sổ lồng.

c. Linh mục như là một kiểu thăng tiến xã hội...<sup>(13)</sup>

\* \*  
\*

Hàng giáo phẩm là xương sống, là trụ cột của Giáo hội. Quan tâm đào tạo, tuyển chọn, cất nhắc vào những vị trí trong Giáo hội không chỉ là mối quan tâm của Giáo hội Công giáo mà còn là của Nhà nước Việt Nam, nhằm tạo điều kiện bảo đảm cho Giáo hội Công giáo Việt Nam thực hiện tốt đường hướng: *Sống Phúc Âm giữa lòng dân tộc để phục vụ hạnh phúc của đồng bào*.

Trước đây, khi nói về kết quả công cuộc truyền giáo diễn ra tốt đẹp, lập được nhiều xứ, họ đạo mới nhưng lại thiếu linh mục chân chiến, Giáo hội Công giáo Việt Nam thường dùng hình ảnh "lúa chín đầy đồng mà thợ gặt thì thiếu". Hình ảnh ấy ngày nay đã và đang lùi về dĩ vãng bởi Giáo hội Công giáo Việt Nam luôn bội thu "những mùa Thợ Gặt"<sup>1</sup>.

13. Hội nghị Đại biểu các đại chủng viện Việt Nam tại Đại chủng viện Huế, 24 Kim Long, TP Huế (Tài liệu đánh vi tính).